

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2017

“V/v Ly hôn giữa chị Thúy
và anh Nguyên”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Gi, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Trần Vũ Hoàng Ng, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Gi, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; anh Ng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì chị T và anh Ng mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27

tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T sống chung với gia đình chồng. Trong thời gian này thì giữa anh Ng và gia đình phát sinh mâu thuẫn kể và từ đó gia đình chồng có thành kiến với chị T nên cuộc sống của vợ chồng gặp nhiều khó khăn, vợ chồng cũng thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2012, thì chị T, anh Ng làm nhà sống riêng trên đất do cha mẹ chị T cho mượn tạm. Trong thời gian vợ chồng sống riêng thì giữa vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh Ng thường xuyên uống rượu rồi về nhà kiểm soát gây gổ, đánh đập chị T rất nhiều lần. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên chị T cũng cố gắng chịu đựng nhưng qua thời gian thì anh Ng vẫn không sửa đổi nên từ năm 2013 thì vợ chồng ly thân. Trong thời gian này tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Qua thời gian chị T nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng vẫn không cải thiện được nên quyết định làm đơn ly hôn. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh Ng.

Về nuôi con chung: Chị T và anh Ng có 01 người con chung là Trần Nguyễn Nguyên Th, sinh ngày 12-02-2013, nguyện vọng của chị T xin được quyền nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đại diện Viện kiểm sát thì trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về nuôi con chung giao cháu Trần Nguyễn Nguyên Th, sinh ngày 12-02-2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh Ng sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Thúy yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Ng là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Ng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 10 năm 2010 tại UBND xã S, huyện

C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Ng có hành vi bạo lực gia đình đối với chị T. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Ng để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh Ng vẫn không đến chứng tỏ anh Ng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Ng tại địa phương nơi vợ chồng cư trú; Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Ng là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Ng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Ng.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Ng có 01 người con chung là Trần Nguyễn Nguyên Th, sinh ngày 12-02-2013. Xét thấy, hiện chị T có công việc và thu nhập ổn định hơn nữa cháu Th còn nhỏ tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Nguyễn Nguyên Th cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Vũ Hoàng Ng.

2. Về nuôi con chung:.

Giao cháu Trần Nguyễn Nguyên Th, sinh ngày 12-02-2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Trần Vũ Hoàng Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Vũ Hoàng Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0006389 ngày 30 tháng 3 năm 2017; Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-7-2017), chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo, đối với anh Trần Vũ Hoàng Ng vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga